

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2023/DS-PT
Ngày: 02/8/2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng
Bà Nguyễn Thị Rên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Yến Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 155/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1670/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số 9/9 Ngô Quyền, phường H, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

- **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Thái Điền Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 341/M9, phường A, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Trần Huy C, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 427/81 ấp Đ, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- **Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1999; (có mặt)

Địa chỉ: Số 229 Nguyễn Huệ, phường H, quận K, thành phố Cần Thơ.

* **Người kháng cáo:** Ông Trần Huy C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do quen biết nên anh Nguyễn Hoàng P có cho anh Trần Huy C vay tiền trong nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 18/11/2020, anh P cho anh C vay 250.000.000 đồng, lãi suất không ghi trong biên nhận nhưng các bên tự thỏa thuận là 2% tháng, thời hạn vay là đến ngày 27/11/2020. Từ khi vay đến nay thì anh C không có đóng lãi và cũng không trả được nợ gốc.

Lần 2: Ngày 03/12/2020, anh P cho anh C vay 60.000.000 đồng, lãi suất không ghi trong biên nhận nhưng các bên tự thỏa thuận là 2% tháng, thời hạn vay là đến ngày 10/12/2020. Từ khi vay đến nay thì anh C không có đóng lãi và cũng không trả được nợ gốc.

Lần 3: Ngày 30/01/2021, anh P cho anh C vay 280.000.000 đồng, lãi suất không ghi trong biên nhận nhưng các bên tự thỏa thuận là 2% tháng, thời hạn vay là đến ngày 28/02/2021 (do đánh máy nhầm nên ghi là ngày 29/02/2021). Từ khi vay đến nay thì anh C không có đóng lãi và cũng không trả được nợ gốc.

Lần 4: Ngày 12/6/2021, anh P cho anh C vay 1.100.000.000 đồng, lãi suất không ghi trong biên nhận nhưng các bên tự thỏa thuận là 2% tháng, thời hạn vay là đến ngày 12/7/2021. Từ khi vay đến nay thì anh C không có đóng lãi và cũng không trả được nợ gốc.

Nay anh P yêu cầu anh C trả lại số tiền nợ của 04 khoản vay là 1.690.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng), anh không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C có cung cấp cho Tòa án bản sao kê tài khoản Ngân hàng của anh C, trong đó có thể hiện ngày 04/8/2021 anh C có chuyển khoản cho anh P 100.000.000 đồng. Nay anh P đồng ý khấu trừ số tiền này vào số tiền nợ nói trên. Anh yêu cầu anh C trả số tiền còn lại là 1.590.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng), anh không yêu cầu tính lãi.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:*

Thông qua người quen là anh Nguyễn Trường T làm ở Ngân hàng SCB tỉnh Bến Tre nên anh có biết anh Nguyễn Hoàng P.

Do cần vốn làm ăn nên anh có vay tiền của anh Nguyễn Trường T. Lúc vay tiền là anh nhận tiền từ anh T nhưng anh ký hợp đồng vay tiền với anh P. Lúc làm biên nhận thì cả 03 người cùng ký vào biên nhận nợ, lãi là 30%/tháng, các lần vay như sau:

Lần 1: Ngày 18/11/2020, vay 250.000.000 đồng, thời gian vay từ 18/11/2020 đến ngày 27/11/2020, do chưa xoay được tiền nên anh trả nợ trễ 10 ngày. Tổng số tiền nợ gốc và lãi anh đã trả đối với khoản vay này là 300.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 03/12/2020, vay 60.000.000 đồng, thời gian vay từ 03/12/2020 đến ngày 10/12/2020. Tổng số tiền nợ gốc và lãi anh đã trả đối với khoản vay này là 160.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 30/01/2021, vay 280.000.000 đồng, thời gian trả là gần 40 ngày. Tổng số tiền nợ gốc và lãi anh đã trả đối với khoản vay này là 360.000.000 đồng.

Lần 4: Trước ngày 12/6/2021, anh có mượn của anh Nguyễn Trường Trãi (nhận tiền từ Nguyễn Hoàng P) số tiền 400.000.000 đồng, lãi 30%/tháng. Sau đó anh có giao cho Nguyễn Hoàng P 500.000.000 đồng. Lúc này anh P nghĩ đây là tiền lãi và cho rằng anh vẫn còn nợ 400.000.000 đồng tiền gốc. Đến tối ngày 12/6/2021, anh T, anh P và một người tên N có đến thị trấn L và ép anh ký giấy nhận số tiền nợ là 1.100.000.000 đồng. Anh có ký giấy nợ chứ anh không có nhận số tiền. Các lần trả tiền nói trên là anh giao tiền cho anh Nguyễn Hoàng P. Tính đến hiện tại thì anh không còn nợ anh P số tiền nào.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện L đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Huy C phải trả cho ông Nguyễn Hoàng P số tiền 1.590.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/4/2023, bị đơn ông Trần Huy C có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông C thừa nhận các khoản vay vào các ngày 18/11/2020, ngày 03/12/2020 và ngày 30/01/2021 và ông C đã trả xong các khoản nợ này. Đối với khoản vay ngày 12/6/2021 số tiền 1.100.000.000 đồng là do ông C bị ép ký tên. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để triệu tập người làm chứng là bà Huỳnh Thị Diễm.

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thái Điền Đ trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ y bản án sơ thẩm.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Huy C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của ông Trần Huy C và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Hoàng P yêu cầu ông Trần Huy C trả lại số tiền nợ gốc của 04 khoản vay vào các ngày 18/11/2020, ngày 03/12/2020, ngày 30/01/2021 và ngày 12/6/2021 với tổng số tiền là 1.690.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả cho ông P số tiền 100.000.000 đồng và được ông P thừa nhận nên ông P chỉ khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền 1.590.000.000 đồng. Bị đơn ông C thừa nhận có vay tiền ông P ở 03 khoản vay đầu và đã trả xong gốc và lãi, còn khoản vay ngày 12/6/2021 thì ông không nhận tiền đối với khoản vay này mà do bị nguyên đơn ép ông ký vào giấy ghi nợ.

[2] Xét thấy, căn cứ các Hợp đồng cho vay thể hiện vào ngày 18/11/2020, ông C có vay ông P số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 18/11/2020 đến ngày 27/11/2020; ngày 03/12/2020, ông C vay ông P số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 03/12/2020 đến ngày 10/12/2020; ngày 30/01/2021, ông C vay ông P số tiền 280.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 30/01/2021 đến ngày 29/02/2021 và ngày 12/6/2021, ông C vay ông P số tiền 1.100.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 12/6/2021 đến ngày 12/7/2021. Ông C thừa nhận chữ ký trong các Hợp đồng cho vay trên là của ông, đồng thời thừa nhận các khoản vay ngày 18/11/2020, ngày 03/12/2020 và ngày 30/01/2021. Ông C cho rằng ông đã trả xong gốc và lãi cho các khoản vay vào các ngày 18/11/2020, ngày 03/12/2020, ngày 30/01/2021 nhưng ông không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Đối với số tiền vay 1.100.000.000 đồng vào ngày 12/6/2021 ông C cho rằng do ông bị ép ký tên nhận nợ chứ ông không có nhận số tiền này nhưng ông C không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này.

[3] Ngoài ra, căn cứ “Sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn” mà ông C cung cấp cho Tòa án thì ngày 04/8/2021 ông C còn chuyển khoản trả cho ông P số tiền

100.000.000 đồng nên việc ông C còn cho rằng sau ngày 12/6/2021 ông không còn nợ tiền ông P là không có căn cứ.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông C cung cấp thông tin của những người làm chứng theo lời khai của ông C để Tòa án xác minh và các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của ông nhưng ông C không cung cấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông C yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để triệu tập bà Huỳnh Thị D làm người làm chứng trong vụ án, tuy nhiên căn cứ vào “Tờ xác nhận” của bà Diễm không thể hiện được bà Diễm biết các tình tiết có liên quan đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ông C kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Huy C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Huy C phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Huy C.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P. Buộc ông Trần Huy C phải trả cho ông Nguyễn Hoàng P số tiền 1.590.000.000đ (Một tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự :

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Huy C phải nộp 59.700.000đ (Năm mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0008558 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

2.1. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Huy C phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí 0004353 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện L (1b);
- Chi cục THADS huyện L (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt